TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
TỈNH NINH BÌNH

Số: 17/LĐLĐ-CSPL&QHLĐ
V/v phân bổ số lượng khen thưởng năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: - Các cụm thi đua của LĐLĐ tỉnh;
- LĐLĐ các huyện, thành phố và các Công đoàn ngành;
- Các Ban LĐLĐ tỉnh và Trường TC KT-DL Công đoàn Ninh Bình.

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TLĐ ngày 12/11/2019 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy chế Khen thưởng của tổ chức Công đoàn;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-LĐLĐ ngày 11/11/2020 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy chế Khen thưởng của LĐLĐ tỉnh;

Căn cứ số lượng CĐCS và đoàn viên công đoàn trực thuộc LĐLĐ các huyện, thành phố và các Công đoàn ngành;

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh thống nhất phân bổ số lượng tập thể và cá nhân đề nghị cấp trên khen thưởng năm 2023 cho các Cụm thi đua như sau:

I. CỤM THI ĐUA LĐLĐ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ CÁC CÔNG ĐOÀN NGÀNH

1. Khen thưởng Tổng Liên đoàn

1.1. Cờ thi đua xuất sắc: **03** Cờ.

Trong đó:

- Khen thưởng năm học **01** Cờ: Tặng cho CĐ cấp trên cơ sở hoặc CĐCS;

- Khen thưởng tổng kết năm **02** Cờ: Tặng **01** Cờ cho Công đoàn cấp trên cơ sở và **01** Cờ cho CĐCS.

1.2. Cờ thi đua chuyên đề: chỉ xét **01** Cờ cho **03** chuyên đề (*riêng chuyên đề Xanh, Sạch, Đẹp, bảo đảm ATVSLĐ không xét cho CĐCS là đơn vị hành chính nhà nước*).

1.3. Bằng khen toàn diện: **112** Bằng khen

Trong đó:

- Khen thưởng năm học **22** Bằng khen: **05** tập thể và **17** cá nhân;

- Khen thưởng tổng kết năm **90** Bằng khen: **06** tập thể và **84** cá nhân.

1.4. Bằng khen chuyên đề: **11** Bằng khen (*đối với chuyên đề Xanh, Sạch, Đẹp, bảo đảm ATVSLĐ và chuyên đề Văn hóa, Thể thao chỉ xét khen thưởng cho các tập thể thuộc CĐCS là các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp và cá nhân thuộc các đơn vị này).*

Trong đó: - Chuyên đề "Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm ATVSLĐ": **02** tập thể và **02** cá nhân;

- Chuyên đề "Văn hóa, Thể thao": **02** tập thể và **02** cá nhân;

- Chuyên đề "Giỏi việc nước - Đảm việc nhà": **02** tập thể và **01** cá nhân.

2. Khen thưởng Ủy ban nhân dân tỉnh cho cá nhân là đoàn viên công đoàn, công nhân lao động trực tiếp: **100** Bằng khen

3. Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh

3.1. Cờ thi đua xuất sắc: **15** Cờ

Trong đó:

- Khen thưởng năm học **05** Cờ: Tặng cho CĐ cấp trên cơ sở hoặc cho CĐCS;

- Khen thưởng tổng kết năm **10** Cờ: Tặng **03** Cờ cho CĐ cấp trên cơ sở và **07** Cờ cho CĐCS.

3.2. Cờ thi đua chuyên đề: tặng không quá **03** Cờ thi đua cho 3 chuyên đề.

3.3. Bằng khen toàn diện: **253** Bằng khen

Trong đó:

- Khen thưởng năm học **56** Bằng khen: **22** tập thể và **34** cá nhân;

- Khen thưởng tổng kết năm **197** Bằng khen: **29** tập thể và **168** cá nhân.

3.4. Bằng khen chuyên đề: **24** Bằng khen

Trong đó: - Chuyên đề "Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm ATVSLĐ": **04** tập thể và **04** cá nhân;

- Chuyên đề "Văn hóa, Thể thao": **04** tập thể và **04** cá nhân;

- Chuyên đề "Giỏi việc nước, Đảm việc nhà": **04** tập thể và **04** cá nhân.

II. CỤM THI ĐUA CÁC BAN VÀ TRƯỜNG TRUNG CẤP

1. Khen thưởng Tổng Liên đoàn 05 Bằng khen: **01** tập thể (*xét cho Trường Trung cấp KT-DL Công đoàn Ninh Bình nếu đủ điều kiện*) và **04** cá nhân.

2. Khen thưởng Liên đoàn Lao động tỉnh

2.1. Cờ thi đua: xét không quá **01** Cờ cho Trường Trung cấp KT-DL Công đoàn Ninh Bình (*nếu đủ điều kiện*).

2.2. Bằng khen 12 Bằng khen: **04** tập thể và **08** cá nhân.

** GHI CHÚ*

- Cờ thi đua và Bằng khen UBND tỉnh:

+ **Căn cứ số lượng phân bổ của UBND tỉnh cho LĐLĐ tỉnh** là **01 Cờ thi đua**; Bằng khen cho **05 tập thể** và **05 cá nhân**; Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại công đoàn cấp trên cơ sở và cán bộ công chức cuối năm để xem xét, quyết định đối tượng và số lượng tập thể, cá nhân đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng dịp tổng kết năm. Trên cơ sở các cá nhân đề nghị UBND tỉnh khen thưởng phải đảm bảo ít nhất 50% là cán bộ công chức không giữ chức vụ lãnh đạo từ cấp phòng và tương đương trở lên.

+ **Đối với các trường hợp khen thưởng Bằng khen UBND tỉnh cho CNLĐ trực tiếp** (*có thể xét đối với Tổ trưởng, tổ phó các phân xưởng*): không xét cho các cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo trong các doanh nghiệp hoặc hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp và các cơ quan hành chính nhà nước.

- Khen thưởng Tổng kết năm tuyệt đối không xét cho các tập thể, cá nhân tại các CĐCS trong lĩnh vực giáo dục (*trừ Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh trực thuộc LĐLĐ tỉnh*).

- Đối với khen thưởng chuyên đề: LĐLĐ huyện, thành phố, công đoàn ngành đăng ký thi đua khen thưởng về Cụm thi đua và các Ban chuyên đề theo quy định. Căn cứ thành tích đạt được và đăng ký thi đua đầu năm của CĐCS và Công đoàn cấp trên cơ sở hằng năm, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh giao cho Ban Tuyên giáo - Nữ công, Ban Chính sách pháp luật & Quan hệ lao động tham mưu và đề nghị Ban Thường vụ xem xét, quyết định trình khen thưởng.

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh yêu cầu các Cụm thi đua căn cứ tình hình thực tiễn, xây dựng kế hoạch, sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động của Cụm thi đua; phân bổ số lượng khen thưởng; triển khai họp và tổng hợp đăng ký thi đua của Cụm gửi về LĐLĐ tỉnh (qua Ban CSPL&QHLĐ) trước ngày **20/3/2023**./.

Nơi nhận:
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- HĐTĐKT LĐLĐ tỉnh;
- Như kính gửi (Website LĐLĐ tỉnh);
- Lưu: VT, Ban CSPL&QHLĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH NINH BÌNH

Trần Kim Long

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
TỈNH NINH BÌNH

TỔNG HỢP DANH SÁCH PHÂN BỔ KHEN THƯỞNG 2023

TT	TÊN ĐƠN VỊ	CĐCS	ĐVCĐ	CỜ TLĐ		BẰNG KHEN TLĐ				CỜ LĐLĐ		BẰNG KHEN LĐLĐ				UBND (CNLĐ)
						TẬP THỂ		CÁ NHÂN				TẬP THỂ		CÁ NHÂN		
				TD	CĐ	TD	CĐ	TD	CĐ	TD	CĐ	TD	CĐ	TD	CĐ	
Cộng		1.086	111.254	3	1	12	6	105 (tăng so với 2022: 6 CN)	5	16 (tăng so với 2022: 4 Cờ)	3	55 (tăng so với 2022: 1 TT)	12	210 (tăng so với 2022: 12CN)	12	100
1.	KHỐI GD (Năm học)	473	16.133	1	1	5	6	17	5	5	3	22	12	34	12	100
2.	H, TP, CĐN (Tổng kết)	612	95.121	2		6		84 (tăng 6)		10		29		168 (tăng 12)		
3.	CÁC BAN					1		4		1		4		8		
Phân bổ theo Quy chế 137/QĐ-LĐLĐ		1086 (hiện tại)	111.254 (hiện tại)	*3*	*1*	*11 (1%)*	*6*	*111 (0,1%)*	*5*	*12*	*3*	*55 (5%)*	*12*	*222 (0,2%)*	*12*	*100*